TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 252/2023/QĐST-DS	*Quận 8, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 381/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ D, sinh năm 1987
Địa chỉ: xx đường N, Phường Đ, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Y đường H, Phường M, Quận M, TP. Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 28/6/2019 tại Văn phòng Công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Bà Hoàng K, sinh năm 1964
Ông Đỗ T1, sinh năm 1996
Ông Đỗ T2, sinh năm 1999
Cùng địa chỉ: xx đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà K, ông T1, ông T2: Ông Vũ Văn T sinh năm 1986; bà Huỳnh Thị M sinh năm 1983; Địa chỉ: xy đường A, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 20/8/2019 tại Văn phòng Công chứng Q, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đỗ Thị Ngọc T3, sinh năm 1979

Địa chỉ: đường H, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

2/ Bà Đỗ Thị Ngọc T4, sinh năm 1982

Địa chỉ: đường C, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Dương Thị L, sinh năm 1959

Địa chỉ: đường H, Phường B, Quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, bà T4, bà Dương Thị L: Ông Phạm B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Y đường H, Phường M, Quận M, TP. Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền lập ngày 24/8/2019 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Kim Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

4/ Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1966

Địa chỉ: xx đường N, Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị O: Ông Phạm B, sinh năm 1976; Địa chỉ: Y đường H, Phường M, Quận M, TP. Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền lập ngày 15/8/2019 tại Văn phòng Công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thống nhất di sản thừa kế của ông Đỗ Văn L (sinh năm 1957, chết ngày 26/7/2015) là ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số xx đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: YY do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 21/8/2012 đứng tên sở hữu là ông Đỗ Văn L và bà Hoàng K).

2.2. Thống nhất những người thừa kế (hàng thừa kế thứ nhất) của ông Đỗ Văn L tại thời điểm mở thừa kế gồm 06 người là: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1966 (vợ của ông L, có đăng ký kết hôn ngày 02/7/1987); bà Đỗ Thị Ngọc T3, sinh năm 1979; bà Đỗ Thị Ngọc T4, sinh năm 1982; ông Đỗ D, sinh năm 1987; ông Đỗ T1 sinh năm 1996 và ông Đỗ T2 sinh năm 1999.

2.3. Các đương sự thống nhất kết quả thẩm định giá trị tài sản tranh chấp theo Chứng thư thẩm định giá số 1100321/CT-TV ngày 06/01/2022 của Công ty Cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng là 4.991.570.000 đồng.

2.4. Các bên thỏa thuận thống nhất là chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của ông Đỗ Văn L là ½ giá trị nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số xx đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tương ứng với số tiền là 2.495.785.000 đồng, được chia làm 06 kỷ phần thừa kế bằng nhau (tương đương 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông L tại thời điểm thi hành án).

2.5. Tất cả các đồng thừa kế (06 người) đồng ý giao toàn bộ phần di sản thừa kế bằng hiện vật của ông L cho bà Hoàng K quản lý và sở hữu toàn bộ. Bà K có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế giá trị kỷ phần của mỗi đồng thừa kế, cụ thể như sau:

- Bà K thanh toán cho bà Nguyễn Thị O 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

- Bà K thanh toán cho bà Đỗ Thị Ngọc T3 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

- Bà K thanh toán cho bà Đỗ Thị Ngọc T4 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

- Bà K thanh toán cho ông Đỗ D 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

- Bà K thanh toán cho ông Đỗ T1 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

- Bà K thanh toán cho ông Đỗ T2 1/6 giá trị di sản thừa kế của ông Lâm tương ứng với số tiền là 415.964.167 đồng;

Thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bà Hoàng K đã thanh toán đủ tiền cho các đồng thừa kế nêu trên thì Bà K được nhận toàn bộ phần di sản thừa kế do ông Đỗ Văn L để lại và Bà K được nhận trọn quyền sở hữu đối với nhà đất nêu trên. Bà K được quyền liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu đối với phần di sản thừa kế do ông Đỗ Văn L để lại.

Nếu hết thời hạn nêu trên mà bà Hoàng K không thanh toán hết được phần giá trị thừa kế cho các đồng thừa kế nêu trên thì một trong các đồng thừa kế có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số xx đường P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: YY do Ủy ban nhân dân Quận T cấp ngày 21/8/2012) để thi hành án. Số tiền phát mãi sau khi trừ các chi phí, lệ phí sẽ được chia theo tỷ lệ được sở hữu giá trị như trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đúng thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0012037 ngày 21/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông Đỗ D phải nộp thêm 4.069.284 đồng.

- Bà Nguyễn Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng;

- Bà Đỗ Thị Ngọc T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng;

- Bà Đỗ Thị Ngọc T4 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng;

- Ông Đỗ T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng;

- Ông Đỗ T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.319.284 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.7. Thống nhất các chi phí tố tụng như chi phí đo vẽ, chi phí thẩm định giá tài sản:

Nguyên đơn ông Đỗ D đã nộp số tiền chi phí đo vẽ là 6.912.378 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản là 11.000.000 đồng và đã chi phí xong.

Bà Nguyễn Thị O, bà Đỗ Thị Ngọc T3, bà Đỗ Thị Ngọc T4, ông Đỗ T1, ông Đỗ T2 mỗi người hoàn trả lại chi phí tố tụng cho nguyên đơn ông Đỗ D số tiền là 2.985.396 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án ND TPHCM;
- Đương sự;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hiệp